

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 366/2018/DS-PT

Ngày: 12-4-2018

V/v: “Tranh chấp lời đi”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Sang**

Các Thẩm phán: Ông **Bùi Liên Minh**
Ông **Hồ Minh Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lâm Hỷ Ngọc** - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà **Hà Thị Thúy Hằng** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 338/2017/TLPT-DS ngày 11 tháng 8 năm 2017 về việc: “Tranh chấp lời đi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 212/2017/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1227/2018/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn V**, sinh năm 1957; Cư trú tại: đường P, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lê Nguyễn Trung N**, sinh năm 1992; Cư trú tại: đường L, Phường A, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 00009147 ngày 28 tháng 3 năm 2015 tại Văn phòng Công chứng Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông **Đỗ Viết T**, sinh năm 1969; Cư trú tại: đường C, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bà **Trần Thị Bích V2**, sinh năm 1960; Cư trú tại: đường C, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Ông **Nguyễn Xuân C**, sinh năm 1949; Cư trú tại: đường C, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4. Ông **Lê Anh T2**, sinh năm 1965; Cư trú tại: đường C, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Dương Kim C2**, sinh năm 1954; Cư trú tại: đường C, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà C: Ông **Đỗ H**, sinh năm 1968; Cư trú tại: đường L, Phường A, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số Công chứng 00018084 ngày 15 tháng 6 năm 2015 tại Văn phòng Công chứng Đ, Thành phố Hồ Chí Minh) (vắng mặt).

2. Bà **Trương Thị N2**, sinh năm 1961 (vắng mặt);

3. Ông **Lê Xuân H2**, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cùng cư trú tại: đường P, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

4. Bà **Nguyễn Thị Thanh L**, sinh năm 1975; Cư trú tại: đường C, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

5. Bà **Hoàng Thị H3**, sinh năm: 1953 (vắng mặt);

6. Ông **Nguyễn Xuân Q**, sinh năm 1973 (vắng mặt);

7. Ông **Nguyễn Xuân M**, sinh năm 1975 (vắng mặt);

8. Ông **Nguyễn Xuân K**, sinh năm 1979 (vắng mặt);

9. Bà **Trần Thị Kim T3**, sinh năm 1980 (vắng mặt);

10. Bà **Nguyễn Thị Xuân T4**, sinh năm 1982 (vắng mặt);

Cùng cư trú tại: đường C, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

11. Ông **Nguyễn Thanh H4**, sinh năm 1981 (vắng mặt);

12. Bà **Nguyễn Thị M2**, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cùng cư trú tại: đường C, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

13. Bà **Đặng Thị H5**, sinh năm 1973 (vắng mặt);

14. Bà **Lê Đặng Mai L2**, sinh năm 1996 (vắng mặt);

15. Ông **Lê Trung K2**, sinh năm 1980 (vắng mặt);

16. Bà **Nguyễn Thị Kiều O**, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Cùng cư trú tại: đường C, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

17. Em **Lê Đặng Gia B**, sinh năm 2000; Cư trú tại: đường C, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của em Bảo: Ông **Lê Anh T2**, sinh năm 1965 và bà **Đặng Thị H5**, sinh năm 1973; Cùng cư trú tại: đường C, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

18. Bà **Đặng Hoàng T5**, sinh năm 1988 (vắng mặt);

19. Bà **Nguyễn Thị Thúy Q2**, sinh năm 1933 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: đường C, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

20. Ông **Lê Trần Thanh N3**, sinh năm 1983; Cư trú tại: chung cư A, phường A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn là ông Lê Văn V.

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Lê Văn V có ông Lê Nguyễn Trung N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguyên trước đây vào năm 2008, ông Lê Văn V có mua một phần nhà đất của bà Dương Kim C2 có diện tích đất 34m² và diện tích sàn xây dựng 50m² tọa lạc tại địa chỉ 5/1, tổ 52, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, ông V làm thủ tục hợp nhất với thửa đất của nhà ông mang số 27/22, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh và được Ủy ban nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1707/2009/UB.GCN ngày 21/5/2009.

Trước khi mua một phần căn nhà của bà Dương Kim C2 thì đã có sẵn lối đi thông với hẻm lối vào nhà của hộ ông Vi Ngọc Q3, ông Đỗ Viết T và bà Lê Thị Hồng H6, sau này ông Q3 và bà H6 đã chuyển nhượng nhà đất cho các hộ ông Nguyễn Xuân C, ông Lê Anh T2 và bà Trần Thị Bích V2.

Hiện nay, hẻm vào các hộ nhà ông C, ông T, ông T2, bà V2 mang mã hẻm 27/18, Khu phố B, phường T, Quận M đã được Ủy ban nhân dân Quận M cập nhật trên bản đồ là hẻm công cộng khu dân cư.

Hẻm lối vào của các hộ nêu trên trước đây thuộc đất của bà Dương Kim C2 đã bán cho ba hộ ông Vi Ngọc Q3, ông Đỗ Viết T và bà Lê Thị Hồng H6 để làm đường đi theo giấy thỏa thuận vào ngày 23/10/2002, trong giấy thỏa thuận đó có thỏa thuận rằng hẻm này là hẻm của 04 hộ ông Q3, ông T, bà H6, bà C cùng được sử dụng chung, nếu sau này hộ nào chuyển nhượng cho người sau thì người mua lại sau vẫn được tiếp tục sử dụng hẻm này.

Sau khi ông V nhận chuyển nhượng nhà đất lại từ bà C từ năm 2008 thì giữa năm 2014, ông V vẫn sử dụng con hẻm trên ổn định, không xảy ra tranh chấp. Tuy nhiên, gần đây hộ các ông T, ông C, ông T2, bà V2 không cho hộ ông V được sử dụng con hẻm nêu trên và xây bít bờ tường trước cửa đi vào phần đất nhà ông V nhận chuyển nhượng từ bà C và ngăn cản không cho gia đình ông V đi lại trên con hẻm này. Vụ việc đã hòa giải tranh chấp tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thành.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc các ông Nguyễn Xuân C, ông Đỗ Viết T, ông Lê Anh T2, bà Trần Thị Bích V2 tháo dỡ bờ tường xây bít trước cửa nhà ông V thuộc con hẻm số 27/18, tổ 52, Khu phố B, phường T, Quận M và công nhận hộ gia đình ông V được quyền sử dụng lối đi chung trên con hẻm này.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án các bị đơn ông Đỗ Viết T, bà Trần Thị Bích V2, ông Nguyễn Xuân C, ông Lê Anh T2 trình bày:

Việc hộ gia đình ông V đòi mở cửa sang hẻm của chúng tôi đã mua bằng tiền từ năm 2002 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T thực tế con hẻm này là phần đất nội bộ, nguyên là lối đi nội bộ của 03 hộ gia đình bà Lê Thị Hồng H6, ông Đỗ Viết T, ông Vi Ngọc Q3 được hình thành do chủ đất cũ là bà Dương Kim C2 phân lô từ đất hương hỏa ra và chừa lối đi dành riêng cho 03 hộ này, điều này đã được thể hiện trong hồ sơ mua bán tại phường. Nhưng mấy năm sau, chủ đất là bà C xây tường ngăn lại không cho chúng tôi đi. Bà C nói rằng bán đất nhưng không bán đường đi, nay 03 hộ này muốn có đường đi thì phải mua lại phần đất bà vừa mới xây. Chúng tôi đã gửi đơn ra phường nhưng sự việc giải quyết không có kết quả, mà giảng hòa cho xóm giềng, chúng tôi đã cố gắng nhịn ăn, nhịn mặc để dành tiền mua tiếp cái phần đất mà lẽ ra theo pháp luật là đường đi của chúng tôi. Khi mua lần này, bên bán có làm thỏa thuận trong đó nêu rõ các hộ chung tiền mua có toàn quyền sử dụng, quyết định về tài sản mình đã mua để phục vụ cho việc đi lại, có nghĩa là bà C đã bán đứt lô đất này cho chúng tôi, bà C không còn có bất kỳ quyền gì trong lô đất này cả.

Trong thỏa thuận mua bán đất còn nhấn mạnh thêm rằng: Quyền định đoạt và quyết định lô đất này chỉ là quyền của những hộ nêu trên và những ai nhận chuyển nhượng nhà đất từ những hộ này thôi. Riêng hộ bà C được chúng tôi cho sử dụng kẻ đường đi để mở cửa hậu phía sau nhà bếp, vì thế những người mua lại một phần hoặc toàn bộ nhà của bà C không được sử dụng kẻ phần đất này dù chỉ là lối đi phụ.

Sau đó năm 2009, bà C cắt phần đất phía sau bán cho ông V để hợp thửa vào phần nhà đất hiện hữu của ông tại hẻm 27 đường C, trong thời gian này chúng tôi có làm việc với ông V và nói rõ quan điểm của chúng tôi dứt khoát không cho ông V sử dụng hẻm 27/18 làm lối đi do chúng tôi đã mua đứt từ bà C, ông V nói với chúng tôi rằng mở cho thoáng chứ không đi. Vậy mà mấy năm sau ông V lại đòi chúng tôi phải cho ông đi và công nhận quyền sử dụng con hẻm này là phần đất mà chúng tôi đã mua từ bà C để làm đường đi chính, mà tiền thân nó là phần đất hương hỏa thuộc sở hữu cá nhân hợp pháp của bà C chứ không phải khai sinh lập địa nó đã là con đường.

Theo khoản 1 Điều 275 Bộ luật dân sự năm 2005 thì hộ ông V chỉ là mua phần nhà bếp phía sau của bà C và hợp thửa vào căn nhà mà ông đã có lối đi phía trước trên hẻm chính 27, do đó không thuộc trường hợp không có lối đi để pháp luật bắt buộc chúng tôi phải thương lượng mở cửa. Bởi khoản 1 Điều 275 đã quy định rõ “Chỉ khi nào chủ sở hữu bất động sản bị vây bọc bởi bất động sản của các chủ sở hữu khác mà không có lối đi ra thì mới có quyền yêu cầu chủ sở hữu bất động sản liền kề cho mình 01 lối đi ra đường công cộng. Người được dành lối đi phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản liền kề”.

Tóm lại những vấn đề chúng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết gồm:

1/ Ông V đòi có thêm hẻm phụ (nhưng lại là hẻm chính của chúng tôi mua bằng tiền mới có được). Trong giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, đất ở của ông V không hề có phần xác định nào căn nhà của ông quay ra hẻm 27/8 mà ông chỉ có một số nhà duy nhất là 27/22 nằm trên hẻm 27, vậy có gì ông nói chúng tôi xây bít hẻm nhà ông? Chúng tôi xây là để ngăn chặn hành vi xâm phạm trái phép và bảo vệ quyền lợi của chúng tôi.

2/ Hẻm này là hẻm riêng của các hộ gia đình chúng tôi chứ không phải hẻm chung của toàn xã hội theo như ý kiến của cán bộ địa chính phường trong biên bản hòa giải tại phường.

3/ Phần đất này đã hình thành và do chúng tôi sử dụng ổn định từ năm 1997 đến nay, năm 2009 ông V mới mua khoản bếp phía sau nhà bà C để kết nối vào nhà mình. Ông V chỉ mua một phần nhỏ đất của nhà bà C chứ không phải mua nguyên căn nhà bà C đang ở. Phần bếp này trước đây bà C cũng không có nhu cầu và không được quyền sử dụng làm lối đi chính.

4/ Đây là hẻm nội bộ của chúng tôi xây nhằm đảm bảo an ninh nhóm dân cư, chúng tôi không chấp nhận việc ông V mở cửa vào khu vực của chúng tôi, về mặt an ninh sẽ ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi.

Căn cứ vào các quy định cũng như ý kiến trình bày ở trên, chúng tôi cùng đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn V, lý do ông V không có căn cứ để đòi hỏi có lối đi thứ hai, việc khởi kiện là vô căn cứ, chỉ là sự suy nghĩ, tự nghĩ ra trong đầu của ông V bởi theo lịch sử hình thành của phần đất mà ông đòi mở cửa sang với phần bếp mà ông đã mua của bà C thì ông chỉ là người mua sau khi con đường của chúng tôi đã hình thành và phát triển gần 20 năm nay thì đó là đòi hỏi không tương.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Dương Kim C2 trình bày: Vào năm 2002, tôi có bán phần đất để làm lối đi cho ba hộ 27/18/3, 27/18/4 và 27/18/6 Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh để ba hộ này làm lối đi vào nhà. Sau đó ba hộ này đồng ý cho tôi sử dụng tạm phần lối đi này để mở cửa cho thoáng khói bếp. Vào năm 2009, tôi tiếp tục bán phần nhà phía sau cho ông Lê Văn V. Có thỏa thuận với ông V rằng sau khi mua một phần nhà của tôi sẽ nhập vào phần nhà hiện hữu của ông V đang là chủ sở hữu. Sử dụng phần nhà của ông V có lối đi phía trước.

Như vậy, việc ông V yêu cầu lối đi cho phần nhà tôi bán cho ông V tôi không có quyền can thiệp, mà do ba hộ dân kể trên có quyền quyết định vì phần đất làm lối đi này tôi đã bán cho ba hộ dân nói trên. Trước khi mua phần nhà phía sau của tôi ông V cũng đã đồng ý nhập phần nhà mua của tôi vào căn nhà sẵn có của ông V và sử dụng lối đi phía trước của căn nhà sẵn có của ông ấy.

- Bà Trương Thị N2 trình bày: Tôi là vợ của ông Lê Văn V và là một thành viên trong hộ đang sinh sống tại địa chỉ 9/10D, Khu phố B, phường T, Quận M,

Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay bà được biết chồng bà đang khởi kiện về việc tranh chấp lối đi theo thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân Quận M. Bà thống nhất với toàn bộ yêu cầu của ông Lê Văn V. Yêu cầu Tòa án xem xét buộc các ông Nguyễn Xuân C, ông Đỗ Viết T, ông Lê Anh T2 và bà Trần Thị Bích V2 tháo dỡ bờ tường xây bít trước cửa nhà tôi thuộc con hẻm số 27/18, Tổ 52, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh và công nhận hộ gia đình bà được quyền sử dụng lối đi chung trên con hẻm này.

- Ông Lê Xuân H2 trình bày: Ông là con của ông Lê Văn V và ông có ý kiến giống như ý kiến trình bày của ông Lê Văn V.

- Ông Nguyễn Thanh H4, bà Đặng Hoàng T5 trình bày: ông bà là con của bà Dương Kim C2 và ông bà có ý kiến trình bày như ý kiến của bà C.

- Bà Nguyễn Thị Thúy Q2, bà Trần Thị Kim T3, ông Nguyễn Xuân Q, ông Nguyễn Xuân M, bà Nguyễn Thị Xuân T4, bà Lê Đặng Mai L2, bà Đặng Thị H5, ông Lê Trung K2, bà Nguyễn Thị Kiều O, bà Nguyễn Thị Thanh L, ông Lê Trần Thanh Nguyên, bà Nguyễn Thị M2, em Lê Đặng Gia B, ông Nguyễn Xuân K, bà Hoàng Thị H3 trình bày: Các ông bà có ý kiến giống như ý kiến của các bị đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 212/2017/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

Căn cứ vào Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1/ Không chấp nhận cho nhà ở tại địa chỉ: MP nhà 27/22 và MP nhà 5/1, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Lê Văn V và bà Trương Thị N2, nhà đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất hồ sơ gốc số 1707/2009.UB.GCN ngày 21/5/2009 do ủy ban nhân dân Quận M cấp trở cửa ra phần đất có diện tích 105,4m² thửa số 136, 137, đường, tờ bản đồ 30, Bộ địa chính phường T, Quận M (theo tài liệu năm 2004); thửa số 257, tờ bản đồ số 02, bộ địa chính xã Tân Thới Nhất, huyện Hóc Môn (theo tài liệu 02/CT-UB) nay là phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (đã được thể hiện trong bản đồ hiện trạng vị trí có số hợp đồng 44179/ĐDBĐ-VPQ12 ngày 08/12/2015 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh) để sử dụng làm lối đi chung cùng với các hộ dân của các ông Đỗ Viết T, ông Nguyễn Xuân C, ông Lê Anh T2 và bà Trần Thị Bích V2.

Tại Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh

Minh đối với bản án sơ thẩm số 212/2017/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

1. Kháng nghị đối với Bản án 212/2017/DS-ST ngày 29/6/2017 của Tòa án nhân dân Quận M về phần án phí.

2. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét sửa phần án phí theo hướng buộc nguyên đơn chịu án phí không giá ngạch.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Lê Văn V có người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Nguyễn Trung N trình bày: Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và cho rằng con hẻm số 27/18 Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh được Ủy ban nhân dân Quận M cập nhật trên bản đồ là hẻm công cộng khu dân cư. Hẻm này thuộc đất của bà Dương Kim C2 đã bán cho ba hộ ông Vi Ngọc Q3, ông Đỗ Viết T, bà Lê Thị Hồng H6 để làm đường đi theo giấy thỏa thuận vào ngày 23/10/2002, trong đó có thỏa thuận rằng hẻm này là hẻm của 04 hộ ông Q3, ông T, bà H6, bà C cùng được sử dụng chung, nếu sau này hộ nào chuyển nhượng cho người sau thì người mua lại sau vẫn được tiếp tục sử dụng, khi ông V chuyển nhượng nhà đất của bà C từ năm 2008 ông vẫn sử dụng chung con hẻm trên ổn định đến giữa năm 2014 thì các hộ ông T, ông C, ông T2, bà V2 xây bít bờ tường trước cửa đi vào phần đất nhà ông V nhận chuyển nhượng từ bà C và không cho gia đình ông V sử dụng con hẻm trên nên khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T, ông C, ông T2, bà V2 tháo dỡ bờ tường xây bít trước cửa nhà ông V và công nhận hộ gia đình ông V được quyền sử dụng lối đi chung trên con hẻm số 27/18, tổ 52, Khu phố B, phường T, Quận M. Bản án sơ thẩm cho rằng con hẻm của 04 hộ ông T, bà V2, ông C, ông T2 nên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ. Ngoài ra nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà V2, ông C, ông T2 tháo dỡ bờ tường xây trước cửa nhà ông V thuộc con hẻm số 27/18 và công nhận hộ ông V được quyền sử dụng lối đi chung trên con hẻm số 27/18 nhưng bản án sơ thẩm không giải quyết các yêu cầu của nguyên đơn mà xử buộc không cho ông V trở cửa ra phần đất của con hẻm 27/18 để sử dụng làm lối đi chung cùng các hộ là chưa giải quyết đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn hủy bản án sơ thẩm.

- Bị đơn ông Đỗ Viết T trình bày: Ông xác định không kháng cáo, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh về phần án phí, không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

- Bị đơn ông Nguyễn Xuân C, ông Lê Anh T2 trình bày: Ông C, ông T2 có ý kiến giống với ý kiến của ông Đỗ Viết T.

- Bị đơn bà Trần Thị Bích V2 vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Nguyễn Xuân M, bà Nguyễn Thị M2, bà Nguyễn Thị Xuân T4 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Bà Trương Thị N2, ông Lê Xuân H2, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Hoàng Thị H3, ông Nguyễn Xuân Q, ông Nguyễn Xuân K, bà Trần Thị Kim T3, ông Nguyễn Thanh H4, bà Đặng Thị H5, bà Lê Đặng Mai L2, ông Lê Trung K2, bà Nguyễn Thị Kiều O, em Lê Đặng Gia B, bà Đặng Hoàng T5, bà Nguyễn Thị Thúy Q2, ông Lê Trần Thanh Nguyên vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được sử dụng lối đi chung với các ông Nguyễn Xuân C, ông Đỗ Viết T, ông Lê Anh T2, bà Trần Thị Bích V2 có mã số hẻm 62 mà không yêu cầu xem xét giá trị quyền sở hữu đối với con hẻm nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chỉ chịu án phí không có giá ngạch nhưng bản án sơ thẩm buộc ông Lê Văn V phải chịu án phí có giá ngạch là 20.864.000 đồng do bị bác yêu cầu là chưa phù hợp. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa phần án phí theo hướng buộc nguyên đơn chịu án phí không giá ngạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

+ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của pháp luật; những người tham gia tố tụng chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Theo bản đồ vị trí do trung tâm đo đạc bản đồ sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 08/12/2015 và công văn số 5071/VPĐK-KTCC ngày 08/4/2016 thì phần lối đi đang tranh chấp thuộc thửa 257. Tài liệu chỉ thị 02/CT- UB tên sử dụng đất là bà Nguyễn Thị Đ. Như vậy, chứng cứ này mâu thuẫn với chứng cứ khác trong hồ sơ là phần lối đi nêu trên do bà C và ông L3 (sử dụng thửa số 258) chuyển nhượng cho các hộ ở phía sau để sử dụng làm lối đi riêng cho bốn hộ ông C, ông T, ông T2, bà V2. Mâu thuẫn này cấp sơ thẩm chưa làm rõ để có cơ sở giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn V và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Hủy Bản án sơ thẩm số 212/2017/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn V và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn luật định được chấp nhận.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Nguyễn Xuân M, bà Nguyễn Thị M2, bà Nguyễn Thị Xuân T4 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa phúc thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Bà Trương Thị N2, ông Lê Xuân H2, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Hoàng Thị H3, ông Nguyễn Xuân Q, ông Nguyễn Xuân K, bà Trần Thị Kim T3, ông Nguyễn Thanh H4, bà Đặng Thị H5, bà Lê Đặng Mai L2, ông Lê Trung K2, bà Nguyễn Thị Kiều O, em Lê Đặng Gia B, bà Đặng Hoàng T5, bà Nguyễn Thị Thúy Q2, ông Lê Trần Thanh Nguyên vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt những đương sự có tên nêu trên.

[3.] Về nội dung:

- Xét nguồn gốc đất của hẻm 27/18 Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào công văn số 333/UBND ngày 17/8/2015 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh tình trạng lối đi tại hẻm 27/18 Khu phố B, phường T, Quận M có nội dung như sau: “Căn cứ hồ sơ lưu trữ tại phường thì phần đường đang tranh chấp theo đơn của ông Lê Văn V có nguồn gốc do ông Vi Ngọc Q3, ông Đỗ Viết T, bà Lê Thị Hồng H6 nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Văn L3 và bà Dương Kim C2 để làm lối đi cho ba hộ này...”.

Căn cứ vào Công văn số 183/UBND ngày 01/4/2016 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh nguồn gốc đất và tình trạng lối đi của bất động sản có nội dung: “1. Căn cứ hồ sơ lưu trữ tại phường thì bất động sản thuộc thửa 136, tờ bản đồ số 30 (theo tài liệu năm 2004): đã được cấp giấy chứng nhận số H00060/01 ngày 16/12/2004 đứng tên ông Nguyễn Xuân Q và bà Lê Thị Hồng H6. Bất động sản thuộc thửa 137, tờ bản đồ số 30 (theo tài liệu 2004): đã được cấp giấy chứng nhận ngày 11/8/2003 đứng tên ông Đỗ Viết T và bà Nguyễn Thị Thanh L...”

Căn cứ vào công văn số 8744/UBND-ĐT ngày 08/11/2016 của Ủy ban nhân dân Quận M và Công văn số 1405/TNMT-TH ngày 19/10/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường Quận M có nội dung: “Theo sổ mục kê lập năm 2001, phần đường đi có vị trí thuộc thửa 258, tờ bản đồ số 2 (tài liệu 02/CT-UB) do bà Nguyễn Thị L5 đăng ký chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phần nhà đất số 27/18, Khu

phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh có vị trí thửa 258-6 đã được Ủy ban nhân dân Quận M cấp Giấy chứng nhận số 8404 ngày 12/8/2004 cho ông Nguyễn Văn L3 và bà Dương Kim C2, tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận thì tuyến hẻm nêu trên đã hình thành”.

Tại khoản 1 Điều 1 quy định về lộ giới và quản lý đường hẻm trong các khu dân cư hiện hữu thuộc địa bàn thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 88/2007/QĐ-UBND ngày 04/7/2007 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định: “Việc quy định lộ giới đường hẻm trong các khu dân cư hiện hữu phải căn cứ trên nhu cầu giao thông, thoát hiểm, phòng chống cháy nổ, bố trí các tuyến cấp điện, cấp nước, thoát nước, đường dân thông tin, yêu cầu về ánh sáng, thông thoáng và vệ sinh môi trường ở khu ở”. Tại khoản 2 Điều 2 quy định: “Trong khu dân cư hiện hữu có các loại đường hẻm như sau: ... Lối đi chung: là đường hẻm cắt phục vụ giao thông nội bộ cho một số căn hộ, được hình thành khi phân tách lô đất”. Trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân Quận M đã ban hành Quyết định số 262/QĐ-UBND-ĐT ngày 27/7/2010 về phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch lộ giới hẻm phường T, Quận M, trong đó có tuyến hẻm 27/18, tổ 52, Khu phố B, phường T, Quận M với mã số hẻm là 62, có lộ giới 4,5m”.

Căn cứ vào tờ tương phân của bà Nguyễn Thị L5 lập ngày 20/5/1996 thể hiện bà L5 có 1.600m² đất phân chia cho các con, trong đó có ông Nguyễn Văn L3.

Từ những kết quả xác minh trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định phần đất dùng làm đường đi mà ông V tranh chấp thuộc hẻm 27/18, tổ 52, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, mã số hẻm là 62, có lộ giới là 4,5m có nguồn gốc đất của bà Nguyễn Thị L5 mẹ của ông Nguyễn Văn L3 để lại cho con là ông Nguyễn Văn L3 và bà Dương Kim C2 quản lý sử dụng. Sau đó bà C, ông L3 chuyển nhượng cho 03 hộ ông Vi Ngọc Q3, ông Đỗ Viết T, bà Lê Thị Hồng H6 để làm đường đi theo “Giấy thỏa thuận về việc nhượng đất làm đường đi ngày 23/10/2002”. Ông Q3, bà H6 chuyển nhượng nhà đất của mình cho ông Nguyễn Xuân C, ông Lê Anh T2 và bà Trần Thị Bích V2. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định hẻm 27/18, tổ 52, Khu phố B, phường T, Quận M là lối đi chung của các hộ ông Đỗ Viết T, ông Nguyễn Xuân C, ông Lê Anh T2 và bà Trần Thị Bích V2 là có căn cứ.

- Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn V.

Nguyên đơn cho rằng hẻm số 27/18 Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là lối đi chung của 04 hộ ông Q3, ông T, bà H6, bà C. Vì theo giấy thỏa thuận chuyển nhượng ngày 23/10/2002 có thỏa thuận rằng sau này hộ nào chuyển nhượng cho người sau thì người mua lại sau vẫn được tiếp tục sử dụng, do ông V chuyển nhượng nhà đất của bà C nên ông V được sử dụng chung con hẻm trên.

Xét, Giấy thỏa thuận về việc nhượng đất làm đường đi ngày 23/10/2002 có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện: “Ông Nguyễn Văn L3 và bà Dương Kim

C2 đồng ý nhượng phần đất trống còn lại bên hông nhà số 5/1, Khu phố B, phường T, Quận M (rộng 3m x 20m từ mép tường hiện hữu hướng Đông Bắc của nhà 5/1 đến hàng rào nhà 3/7 đường Trường Chinh, Tổ 52, Khu phố B, phường T, Quận M), cho 3 hộ: Vi Ngọc Q3, Đỗ Viết T, Lê Thị Hồng H6 để làm đường đi với số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng...”

Kể từ nay, tôi sẽ không gây bất cứ khó khăn gì trong việc đi lại của các hộ trên. Các hộ trên được toàn quyền làm đường, cống thoát nước, đường điện, điện thoại và phục vụ nhu cầu đi lại của mình và những người mình có quan hệ. Sau này, nếu có các hộ nêu trên nhượng toàn bộ hoặc một phần nhà đất của mình cho người khác thì những người mua sau cũng được hưởng những quyền nêu trên. Ngược lại, các hộ trên đồng ý cho tôi sử dụng chung phần đường trên”.

Như vậy, theo nội dung trên thì chỉ 03 hộ ông Vi Ngọc Q3, ông Đỗ Viết T, bà Lê Thị Hồng H6 và những người chuyển nhượng nhà đất của ông T, ông Q3, bà H6 mới được tiếp tục sử dụng hẻm chung còn bà C đã chuyển nhượng rồi nên không còn quyền sử dụng, bà C chỉ được đi chung con hẻm trên với sự đồng ý của ông T, ông Q3, bà H6. Do đó, việc ông V cho rằng do chuyển nhượng nhà đất của bà C nên được sử dụng chung con hẻm theo như thỏa thuận là không có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng về nguồn gốc đất có sự mâu thuẫn nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ. Theo công văn số 5071/VPĐK-KTCC ngày 08/4/2016 thì phần lối đi đang tranh chấp thuộc thửa 257. Tài liệu chỉ thị 02/CT- UB tên sử dụng đất là bà Nguyễn Thị Đ, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ là phần lối đi nêu trên do bà C và ông L3 (sử dụng thửa số 258) chuyển nhượng cho các hộ ở phía sau để sử dụng làm lối đi riêng cho 04 hộ ông C, ông T, ông T2, bà V2.

Hội đồng xét xử nhận thấy, Theo công văn số 5071/VPĐK-KTCC ngày 08/4/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai Sở tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh đã thể hiện; “Theo tài liệu chỉ thị 02/CT- UB phần lối đi đang tranh chấp thuộc thửa 257 tên sử dụng đất là bà Nguyễn Thị Đ. Theo sổ dã ngoại –Bản đồ địa chính (năm 2004) phần lối đi đang tranh chấp thuộc thửa 136, 137 thửa 136 do bà Lê Thị Hồng H6 sử dụng, thửa 137 do bà Đặng Thùy L4 sử dụng.”

Theo Công văn số 183/UBND ngày 01/4/2016 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác minh nguồn gốc đất và tình trạng lối đi của bất động sản có nội dung: “1. Căn cứ hồ sơ lưu trữ tại phường thì bất động sản thuộc thửa 136, tờ bản đồ số 30 (theo tài liệu năm 2004): đã được cấp giấy chứng nhận số H00060/01 ngày 16/12/2004 đứng tên ông Nguyễn Xuân Q và bà Lê Thị Hồng H6. Bất động sản thuộc thửa 137, tờ bản đồ số 30 (theo tài liệu 2004): đã được cấp giấy chứng nhận ngày 11/8/2003 đứng tên ông Đỗ Viết T và bà Nguyễn Thị Thanh L...”.

Như vậy, về nguồn gốc đất của lối đi đang tranh chấp theo công văn số 5071/VPĐK-KTCC ngày 08/4/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai Sở tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nguồn gốc đất của Công văn số 183/UBND ngày 01/4/2016 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh và quá trình quản lý sử dụng đất. Mặt khác những hộ đang sử dụng phần đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc nhượng đất làm đường đi cũng được chính quyền địa phương xác nhận, quá trình sử dụng đất không có ai tranh chấp. Do đó việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng có sự mâu thuẫn về nguồn gốc đất là không có căn cứ.

Từ những căn cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất có diện tích 105,4m² thửa số 136, 137, đường, tờ bản đồ 30, Bộ địa chính phường T, Quận M nay là phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã được thể hiện trong bản đồ hiện trạng vị trí ngày 08/12/2015 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh là lối đi riêng (lối đi nội bộ) của các hộ gia đình các ông Đỗ Viết T, ông Nguyễn Xuân C, ông Lê Anh T2 và bà Trần Thị Bích V2 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng.

Tuy nhiên, phần quyết định của bản án sơ thẩm còn tuyên: 1. “Không chấp nhận cho nhà ở tại địa chỉ: MP nhà 27/22 và MP nhà 5/1, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của ông Lê Văn V và bà Trương Thị N2, nhà đất trên đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất hồ sơ gốc số 1707/2009.UB.GCN ngày 21/5/2009 do Ủy ban nhân dân Quận M cấp trở cửa ra phần đất có diện tích 105,4m² thửa số 136, 137, đường, tờ bản đồ 30, Bộ địa chính phường T, Quận M (theo tài liệu năm 2004); thửa số 257, tờ bản đồ số 02, bộ địa chính xã Tân Thới Nhất, huyện Hóc Môn (theo tài liệu 02/CT-UB) nay là phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (đã được thể hiện trong bản đồ hiện trạng vị trí có số hợp đồng 44179/ĐĐBĐ-VPQ12 ngày 08/12/2015 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh) để sử dụng làm lối đi chung cùng với các hộ dân của các ông Đỗ Viết T, ông Nguyễn Xuân C, ông Lê Anh T2 và bà Trần Thị Bích V2 là ông Lê Văn V là không cụ thể và vượt quá yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại phần quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn V về việc buộc các ông Nguyễn Xuân C, ông Đỗ Viết T, ông Lê Anh T2, bà Trần Thị Bích V2 tháo dỡ bờ tường xây bít trước cửa nhà ông V thuộc con hẻm số 27/18, tổ 52, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh và không công nhận hộ gia đình ông V được quyền sử dụng lối đi chung trên con hẻm số 27/18, tổ 52, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh với mã số hẻm là 62”.

- Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh về phần án phí sơ thẩm:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn V yêu cầu các bị đơn ông Nguyễn Xuân C, ông Đỗ Viết T, ông Lê Anh T2, bà Trần Thị Bích V2 tháo gỡ bờ tường xây bít trước cửa sau nhà ông V thuộc con hẻm số 27/18 Khu phố B phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh và công nhận hộ gia đình ông V được quyền sử dụng lối đi chung, không yêu cầu xem xét giá trị quyền sở hữu đối với con hẻm nên nguyên đơn chỉ chịu án phí không có giá ngạch. Nhưng cấp sơ thẩm buộc ông Lê Văn V chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần diện tích đất của lối đi chung mà ông V không được Tòa án chấp nhận là 20.864.000 (Hai mươi triệu, tám trăm sáu mươi bốn ngàn) đồng là chưa chính xác. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần án phí sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận sửa phần án phí là không có giá ngạch cụ thể là ông Lê Văn V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Lê Văn V đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005773 ngày 23/4/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Văn V được hoàn lại số tiền 1.050.000 đồng.

Từ những nhận định trên xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có cơ sở, cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử không thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 212/2017/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn V phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

- Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147; Điều 148; khoản 3 Điều 296 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 11 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, và Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn V.

2. Chấp nhận kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn V về việc buộc các ông Nguyễn Xuân C, ông Đỗ Viết T, ông Lê Anh T2, bà Trần Thị Bích V2 tháo dỡ bờ tường xây bít trước cửa nhà ông V thuộc con hẻm số 27/18, tổ 52, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh và không công nhận hộ gia đình ông V được quyền sử dụng lối đi chung trên con hẻm số 27/18, tổ 52, Khu phố B, phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh với mã số hẻm là 62”.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Lê Văn V đã nộp là 1.250.000 (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0005773 ngày 23 tháng 4 năm 2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Văn V được hoàn lại số tiền 1.050.000 (Một triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn V phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận M;
- Tòa án nhân dân Quận M;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận M;
- Đương sự;
- Lưu (T38).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Sang